

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CLC-DD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671007-801 - Quy ho ch tuy n ấ nh H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3475010004	34CLC-DD1	Nguy n Tr ấ g An	09/01/1992				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
2	3575011725	35CXD6	H ầ Th ầ Anh	20/06/1992				6.5			6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
3	3471010019	34CCD4	L u Minh B o	20/09/1992				7.5			7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
4	3574010137	35COT1	Tr n Ph ấ g B c	10/06/1991				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
5	3571010191	35CCĐ4	ấ inh Xu ầ n C nh	07/05/1991				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
6	3571010047	35CCĐ3	Ng» ấ nh C nh	05/01/1993				6.5			6.5	2.0	7.3	5.1	7.1	
7	3575010613	35CXD4	Phùng Minh C nh	06/05/1992				7.5			7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
8	3471010051	34CCD2	Tr n Nam C ấ g	16/01/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
9	3575010790	35CXD1	V ấ T n Diêm	02/01/1993				8.5			8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
10	3471010055	34CCD1	B ầ i H ấ g Di u	10/12/1992				6.5			6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
11	3471010072	34CCD1	Nguy n Ng c Duyên	17/07/1992				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
12	3575031520	35CNVL1	Lê Anh Đ ầ g	18/03/1993				0.0			0.0	0.0	6.5	4.6	4.6	
13	3471010076	34CCD7	Nguy n V ấ ấ ầ a	06/11/1992				5.5			5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
14	3471010077	34CCD3	Ph m ấ ang	17/03/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
15	3471010085	34CCD4	Ph m V ấ ấ ầ t	30/07/1991				7.5			7.5	2.3	0	0.0		
16	3575011179	35CXD5	Tr n Xu ầ n ấ »ng	05/12/1993				8.5			8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
17	3575010301	35CXD3	Vô Hoàng Giang	05/09/1993				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
18	3571010532	35CCĐ5	Tr n Nguy n H u H o	15/10/1993				7.5			7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
19	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguy n C»ng H u	18/10/1993				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CLC-DD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671007-801 - Quy ho ch tuy n ấ nh H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3471010115	34CCD4	V ấ V ấ H ấ n	14/06/1992				8.5			8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
21	3571011796	35CLC1-CD	L ấ m V ấ H ấ u	08/08/1993				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
22	3571010748	35CCĐ1	ấ ấ Ph ấ	11/03/1993				10.0			10.0	3.0	4.5	3.2	6.2	
23	3571011832	35CCĐ4	CH ấ U HI P	HUY	17/12/1992			6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
24	3471010144	34CCD6	L ấ Huy	H ấ ng	04/04/1991			7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
25	3471010161	34CCD7	Nguy n Th ấ nh	Kh n	02/07/1991			8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
26	3475010116	34CLC-DD1	Nguy n Qu c	Kh ấ i	30/04/1991			2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
27	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh	Lam	10/03/1992			8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
28	3474010034	34COT2	Nguy n V ấ O	Linh	21/06/1992			9.0			9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
29	3575031819	35CNVL1	Nguy n Ti n	L ch	01/06/1992			6.5			6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
30	3471010190	34CCD4	Nguy n Anh	Long	25/03/1992			7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
31	3575011331	35CXD6	Nguy n Minh	Luy n	15/05/1993			4.5			4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
32	3571010018	35CCĐ3	Ng ấ V ấ H ấ nh	M nh	14/01/1992			8.5			8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
33	3471010210	34CLC-CD	Huu nh Quang	Minh	11/08/1992			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
34	3471010212	34CCD5	V ấ H ấ nh	Minh	21/02/1988			7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
35	3575031605	35CNVL1	Nguy n T ng	Nam	01/02/1993			5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
36	3571010194	35CCĐ4	L ấ ấ i	Ng ấ	10/10/1993			7.0			7.0	2.1	1.5	1.1	3.2	
37	3571011054	35CCĐ5	Nguy n Vi t	Nghiêm	03/05/1993			5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
38	3575010241	35CXD3	Tr ng H ng	Nh t	02/11/1993			4.5			4.5	1.4	5.5	3.9	5.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CLC-DD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671007-801 - Quy ho ch tuy n ấ nh H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010246	35CC ấ 3	Tr n Nh n	02/08/1993				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
40	3571010114	35CC ấ 3	D ấ ng T n Phi	23/05/1993				8.5			8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
41	3471010249	34CCD3	D ấ ng H u Ph ấ c	23/04/1992				10.0			10.0	3.0	6.0	4.2	7.2	
42	3575010837	35CXD1	Phan T ấ h Ph ấ c	03/06/1993				7.5			7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
43	3475010202	34CXD3	L ấ ng Duy Ph ấ ng	20/03/1992				7.5			7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
44	3475010205	34CXD3	Hu nh Thanh Quang	03/10/1992				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
45	3575011148	35CXD5	Phan H ấ i Qu ấ n	03/10/1993				5.5			5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
46	3475010221	34CXD1	Nguy n Th ấ nh S ố ng	24/11/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
47	3571010028	35CC ấ 3	Tr n Xu ấ n S n	22/02/1993				7.5			7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
48	3371010411	35CC ấ 1	Nguy n Vi t Tài	29/10/1990				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
49	3571010664	35CLC1-C ấ	ấ ấ ng Duy Tâm	25/02/1993				8.5			8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
50	3474010064	34COT1	Mai V ấ Nh T n	01/10/1991				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
51	3571010622	35CC ấ 5	L ấ ấ c Ti n	24/09/1992				7.5			7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
52	3474010081	34COT1	Nguy n T n T ấ n	25/08/1992				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
53	3471010346	34CCD7	Tr n Tr ấ ng T	05/07/1991				2.0			2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
54	3471010367	34CCD4	Tr nh Quang Tu ấ n	27/09/1992				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
55	3471010377	34CCD1	B ầ i Duy T ầ ng	17/04/1992				7.5			7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
56	3575010348	35CXD4	L ấ ng ấ nh T ầ ng	18/02/1992				7.5			7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
57	3471010386	34CCD1	L ấ V ấ Nh T	29/08/1991				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CLC-DD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671007-801 - Quy ho ch tuy n ấ nh H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
58	3471010288	34CCD1	ấ u V ấ	Th ng	20/05/1991				9.5			9.5	2.9	4.0	2.8	5.7	
59	3475010247	34CLC-DD1	Lê Minh	Th ng	03/06/1991				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
60	3475010253	34CXD4	Ph m Qu c	Th ng	15/10/1992				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
61	3471010320	34CCD3	Ph m V ấ	Thích	03/04/1992				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
62	3571010050	35CC ấ3	Tr n Qu c	Th nh	06/02/1993				5.0			5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
63	3471010318	34CCD3	Nguy n V ấ	Th	18/03/1991				1.0			1.0	0.3	8.0	5.6	5.9	
64	3471010334	34CCD3	Ho ấ ấ ấ nh	Th ng	09/03/1990				10.0			10.0	3.0	3.0	2.1	5.1	
65	3575010404	35CXD4	Tr n	Th ng	18/01/1986				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
66	3575011548	35CXD6	Nguy n ấ c	Trí	14/10/1992				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
67	3575010868	35CXD5	Hu ấ nh Ng c Quang	Trung	23/11/1993				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
68	3575030607	35CNVL1	Ph m ấ ấ nh	Trung	10/02/1993				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
69	3575031791	35CNVL1	Ph m Ng c	Trung	16/02/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
70	3575010747	35CLC1-DD	Th ch To ấ	Trung	22/08/1993				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
71	3574010564	35COT2	L ng C ấ ng Minh	V n	09/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
72	3471010396	34CCD4	Nguy n Ch	Vinh	25/10/1992				3.0			3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	
73	3471010406	34CCD2	Ph m Tu n	V ấ O	29/10/1992				7.5			7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	

T ng s : 73 h c sinh sinh vĩ ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ấ o Vĩ ấ n B M ấ n Gi ấ o V Khoa